

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (riêng)

Quý 04 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 04 Năm 2010	Quý 04 Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	59,551,696,352	62,690,032,754	248,197,008,660	226,014,864,569
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27,859,618	51,357,360	76,518,211	155,061,223
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	59,523,836,734	62,638,675,394	248,120,490,449	225,859,803,346
Giá vốn hàng bán	11	40,363,771,222	42,843,519,033	166,654,104,728	158,213,324,314
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	19,160,065,512	19,795,156,361	81,466,385,721	67,646,479,032
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,492,756,156	2,156,637,383	4,716,904,518	6,124,888,524
Chi phí tài chính	22	2,705,300,007	1,355,440,808	8,268,776,290	4,969,550,470
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2,650,865,208	1,135,972,094	7,997,635,266	4,337,115,992
Chi phí bán hàng	24	18,284,523,058	15,452,344,548	67,908,912,321	58,671,012,955
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,602,966,446	2,690,197,535	13,083,129,469	10,345,282,147
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(2,939,967,843)	2,453,810,853	(3,077,527,841)	(214,478,016)
Thu nhập khác	31	1,126,668,561	4,782,899,867	22,320,553,639	8,291,628,720
Chi phí khác	32	312,928,177	607,443,873	10,298,833,633	1,231,016,744
Lợi nhuận khác	40	813,740,384	4,175,455,994	12,021,720,006	7,060,611,976
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(2,126,227,459)	6,629,266,847	8,944,192,165	6,846,133,960
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	275,000,000	497,913,485	4,076,005,561	497,913,485
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	39,173,788	-	39,173,788
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(2,401,227,459)	6,092,179,574	4,868,186,604	6,309,046,687
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Kế toán trưởng

Lã Thái Hiệp

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Hoạt